

Bản án số: 45/2021/KDTM-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1864/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Công ty CP VT HM (Tên cũ là Công ty TNHH VT HM)

Địa chỉ trụ sở: Số ab đường BTH, Phường K, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc S C, sinh năm 1981, địa chỉ: Số ab đường BTH, Phường K, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 373/2020/GUQ-VTTP ngày 04 tháng 6 năm 2020)

Bị đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Số abc đường PHT, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần T T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số x đường PCT, phường TML, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 006/2021/UQ-CT ngày 27 tháng 4 năm 2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Ngọc S C đều trình bày:

Nguyên đơn là Công ty CP VT HM (Tên cũ là Công ty TNHH VT HM) và bị đơn là Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam có ký kết Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm theo Danh sách xe tham gia

bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm bao gồm: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc và Bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới, đối với loại xe buýt chuyên chở hành khách 24 chỗ ngồi, biển số abN-xyz, thuộc danh sách xe được bảo hiểm bởi Hợp đồng bảo hiểm trên. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 đến ngày 24 tháng 8 năm 2019. Nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (Sau đây viết tắt là TNDS) của chủ xe ô tô số CI18CB 0011796 ngày 22 tháng 8 năm 2018. Nguyên đơn đã đóng đủ phí bảo hiểm theo qui định ngày 31 tháng 8 năm 2018.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, lái xe Nguyễn V G điều khiển ô tô buýt abN-xyz lưu thông trên đường Hồng Bàng hướng về cầu vượt Cây Gõ. Khi đến đoạn đường Hồng Bàng – Hà Tôn Quyền đã xảy ra tai nạn với xe máy, làm cho người điều khiển xe máy bị thương nặng, phải đưa đi bệnh viện điều trị.

Về hồ sơ của vụ tai nạn, bị đơn đã được nhận bộ hồ sơ photo giải quyết của Công an Quận 5 gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 13 tháng 3 năm 2019; 02 Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 19 tháng 3 năm 2019; Biên bản làm việc ngày 14 tháng 5 năm 2019; Bản kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông và hình thức xử lý, giải quyết TNGT ngày 22 tháng 5 năm 2019; Giấy đăng ký xe, kiểm định xe và bảo hiểm xe abN-xyz. Về các chứng từ hóa đơn viện phí, hóa đơn thuốc khám chữa trị cho người bị nạn, nguyên đơn đã nộp cho bị đơn cùng với biên bản làm việc tại Công an Quận 5 thỏa thuận bồi thường 100.000.000 đồng cho người bị nạn để bị đơn có đầy đủ cơ sở xác định mức bồi thường theo qui định. Ngày 04 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn có nhận thông báo bồi thường và thông báo thanh toán tiền bồi thường của bị đơn để nguyên đơn xác nhận đóng dấu và cung cấp lại cho bị đơn để làm thủ tục chuyển khoản đối với trường hợp xe abN-xyz số tiền 68.750.000 đồng.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn đã cung cấp Văn bản số 2739/SGTVT-VTCN của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 5 năm 2010 về việc qui định về hạng giấy phép lái xe buýt. Ngày 14 tháng 10 năm 2019, bị đơn có văn bản số 72/2019/C-VPII từ chối bồi thường với lý do lái xe có giấy phép lái xe không phù hợp để điều khiển xe buýt.

Nguyên đơn không chấp nhận lý do bị đơn từ chối bồi thường vì:

- Văn bản 2739/SGTVT-VTCN ngày 18 tháng 5 năm 2010 của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh qui định về hạng giấy phép lái xe buýt thì “Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: Lái xe có giấy phép lái xe hạng D trở lên”;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành qui định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại khoản 3 Điều 3 qui định “Xe buýt là xe ô tô chở hành khách có thiết kế từ 17 ghế trở lên và có diện tích sàn xe dành cho hành khách đứng (diện tích dành cho 1 hành khách đứng là 0,125m²) theo tiêu chuẩn qui định” và tại điểm b khoản 1 Điều 9 qui định “1. Tiêu chuẩn tuyển dụng đối với lái xe buýt: ...Tiêu chuẩn về hạng giấy phép lái xe: Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng D trở lên...”;

- Điểm đ, e khoản 4 Điều 59 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 về giấy phép lái xe qui định “Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi và các loại xe qui định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C; Hạng E cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe qui định cho các giấy phép

lái xe hạng B1, B2, C, D”;

- Điểm a khoản 9, điểm a khoản 10 và khoản 13 Điều 16 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ quy định “Hạng D cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe; Hạng E cấp cho người lái xe để điều khiển các loại xe sau đây: Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; Hạng giấy phép lái xe sử dụng cho người lái xe ô tô khách giường nằm, ô tô khách thành phố (sử dụng để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt) thực hiện theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này. Số chỗ ngồi trên xe được tính theo số chỗ trên xe ô tô khách cùng kiểu loại hoặc xe ô tô có kích thước giới hạn tương đương chỉ bố trí ghế ngồi”.

Các quy định kể trên hoàn toàn không đề cập đến việc lấy số chỗ ngồi cộng với chỗ đứng trên xe để quy định hạng giấy phép lái xe như phía bị đơn nhận định mà chỉ quy định là hạng giấy phép lái xe căn cứ theo số chỗ ngồi trên xe.

- Căn cứ hồ sơ vụ tai nạn liên quan xe abN-xyz của Công an Quận 5 thì: Trong biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông tại mục 1 ghi rõ: 01 giấy phép lái xe hạng D (hợp lệ), 01 giấy đăng ký xe abN-xyz (hợp lệ); Trong bản kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông: Tại mục 3 ghi rõ “Ông Nguyễn V G điều khiển xe ô tô buýt biển số abN-xyz khi đến gần đường giao nhau không có báo hiệu không nhường đường cho xe đi đến từ bên phải” và tại mục 4 hình thức xử lý, giải quyết vụ tai nạn giao thông: “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tin báo vụ tai nạn giao thông, chuyển hồ sơ cùng phương tiện về đội Cảnh sát giao thông xử lý hành chính”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: Không có giấy phép lái xe theo quy định”.

Như vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 kết luận giấy phép lái xe hạng D của ông Nguyễn V G là hợp lệ, vì nếu có vi phạm về giấy phép lái xe thì đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 kết luận và xử lý theo Bộ luật Hình sự. Do đó, không vi phạm khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính về loại trừ bảo hiểm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền bảo hiểm cho xe biển số abN-xyz là 68.750.000 đồng.

Ông Trần T T là người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 22 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng Bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP và nguyên đơn đã đóng đủ phí bảo hiểm theo hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo về vụ tai nạn của nguyên đơn, bị đơn đã tiến hành thu thập hồ sơ bồi thường theo quy định. Bị đơn đã tiến hành xác minh thông tin giấy phép lái xe của ông Nguyễn V G cũng như việc sử dụng Giấy phép lái xe hạng D để điều khiển phương tiện abN-xyz. Bị đơn cũng thu thập Văn bản số 1886/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam về việc sử dụng lái xe để lái xe buýt, xe khách giường nằm thì xe dùng để

sát hạch cấp Giấy phép lái xe hạng D là ô tô chở khách có từ 24 đến 30 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái), có chiều dài từ 6,2m đến 7,5m; chiều rộng từ 2m đến 2,5m; chiều dài cơ sở từ 3,1m đến 4,5m.

Mặt khác, theo qui định tại điểm k mục 2.2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ QCVN 40:2015/BGTVT ban hành kèm Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải cũng qui định “Xe cơ giới dùng để sát hạch lái xe hạng D là xe ô tô chở người có thể bố trí từ 24 đến 30 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái), có chiều dài toàn bộ từ 6,2m đến 7,5m; chiều rộng toàn bộ từ 2,0m đến 2,5m; chiều dài cơ sở từ 3,1m đến 4,5m”.

Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe biển số abN-xyz, có giá trị đến ngày 05 tháng 5 năm 2019 thì kích thước bao của xe là 9210 x 2300 x 3075 (mm). Bị đơn cho rằng Giấy phép lái xe hạng D của ông Nguyễn V G chỉ phù hợp với loại xe có thông số kỹ thuật: Chiều dài toàn bộ từ 6,2m đến 7,5m; chiều rộng toàn bộ từ 2,0m đến 2,5m; chiều dài cơ sở từ 3,1m đến 4,5m nên không phù hợp để điều khiển xe biển số abN-xyz.

Theo qui định tại Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính thì thương tật của người bị nạn là ông Lôi C T “gãy kín 1/3 dưới hai xương cẳng chân trái, vỡ lách, vỡ nang gan hạ phân thùy 3, xuất huyết dưới nhện, gãy xương sườn trái (10c), gãy xương sườn phải (7c), tràn dịch màng phổi” thì số tiền bồi thường sẽ là 68.750.000 đồng. Do lái xe Nguyễn V G có giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có giấy phép lái xe nên căn cứ khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính, bị đơn không chấp nhận bồi thường số tiền bảo hiểm 68.750.000 đồng cho nguyên đơn. Ngày 16 tháng 12 năm 2019, bị đơn có Văn bản số 81/2019/C-VPII gửi nguyên đơn về việc từ chối chi trả tiền bảo hiểm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm với bị đơn là Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam có trụ sở tại Số abc đường PHT, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo qui định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm theo Danh sách xe tham gia bảo hiểm số thứ tự 10 là xe B40 biển số abN-xyz, thời hạn bảo hiểm từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 đến ngày 24 tháng 8 năm 2019, mức trách nhiệm/số tiền bảo hiểm TNDS bắt buộc về người là 100.000.000 đồng/người/vụ, tổng phí bảo hiểm sau thuế là 19.446.000 đồng, thời hạn thanh toán phí trước ngày 30 tháng 8 năm 2018. Nguyên đơn đã đóng đủ phí bảo hiểm và bị đơn đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số CI18CB 0011796 ngày 22 tháng 8 năm 2018 cho nguyên đơn.

[4] Xét, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm theo Danh sách xe tham gia bảo hiểm; Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số CI18CB 0011796 ngày 22 tháng 8 năm 2018 phù hợp qui định tại các điều 12, 13, 14 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính, đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo qui định của pháp luật. Như vậy, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm theo Danh sách xe tham gia bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

[5] Theo Bản kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông và hình thức xử lý, giải quyết TNGT ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thì vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 13 tháng 3 năm 2019, ông Nguyễn V G điều khiển xe ô tô buýt biển số abN-xyz lưu thông trên đường Hồng Bàng hướng từ đường Dương Tử Giang về đường Nguyễn Thị Nhỏ; Khi đến giao lộ Hồng Bàng – Hà Tôn Quyền thì va chạm với xe mô tô biển số cdH1-cde do ông Lôi C T điều khiển lưu thông trên đường Hà Tôn Quyền hướng từ đường Nguyễn Chí Thanh về đường Phú Giáo; Hậu quả thiệt hại: Ông Lôi C T bị sốc mất máu – xuất huyết nội do vỡ lách, vỡ nang gan hạ, gãy xương sườn 2-11 trái, 2-8 phải, xuất huyết dưới nhện, gãy 1/3 dưới hai cẳng chân phải, tổn thương thận cấp 3; Do ông Lôi C T làm đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tổn cơ thể và không yêu cầu xử lý hình sự đối với ông Nguyễn V G nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, chuyển hồ sơ cùng phương tiện về Đội Cảnh sát giao thông xử lý hành chính.

[6] Theo Hóa đơn bán hàng số 0024856 và số 0064150 của Bệnh viện Chợ Rẫy thì số tiền điều trị của ông Lôi C T là 236.550.768 đồng và 12.976.630 đồng. Tại Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày số tiền nguyên đơn bồi thường cho ông Lôi C T lớn hơn nhiều nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường 68.750.000 đồng theo quy định pháp luật; còn bị đơn trình bày số tiền bồi thường 68.750.000 đồng được bị đơn tính căn cứ vào Phụ lục kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính, nhưng không đồng ý bồi thường.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền bảo hiểm cho xe biển số abN-xyz là 68.750.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[8] Theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 0722077, số phiếu kiểm định 5002S-

54188/19 ngày 21 tháng 12 năm 2019 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-02S thì xe ô tô khách biển đăng ký abN-xyz có kích thước bao: 9.210 x 2.300 x 3.075 (mm), chiều dài cơ sở: 4.390 mm, số người cho phép chở: 29 chỗ ngồi, 26 chỗ đứng, 0 chỗ nằm, đủ điều kiện an toàn và được phép lưu thông.

[9] Xét, Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm theo Danh sách xe tham gia bảo hiểm thực tế phát sinh theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số CI18CB 0011796 ngày 22 tháng 8 năm 2018, thời hạn bảo hiểm từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 đến 07 giờ ngày 24 tháng 8 năm 2019. Do đó, thời gian xảy ra vụ tai nạn giao thông là 07 giờ 30 phút ngày 13 tháng 3 năm 2019, còn trong thời hạn bảo hiểm.

[10] Ông Nguyễn V G, sinh năm 1960 là người điều khiển xe ô tô buýt biển số abN-xyz, đã được Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép lái xe số 790xx**xx ngày 15 tháng 7 năm 2015, hạng D, có giá trị đến ngày 15 tháng 7 năm 2020 được điều khiển xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi phù hợp qui định tại điểm d khoản 4 Điều 59 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và điểm a khoản 9 Điều 16 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải qui định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Vào thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, giấy phép lái xe của ông Nguyễn V G còn trong thời hạn sử dụng.

[11] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xuất trình Văn bản số 1709/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam và cho rằng giấy phép lái xe hạng E mới phù hợp để điều khiển xe ô tô buýt biển số abN-xyz. Xét thấy, theo nội dung văn bản trên thì Tổng Cục đường bộ Việt Nam đề nghị bị đơn căn cứ quy định tại khoản 13 Điều 16 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải qui định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ để xác định giấy phép lái xe phù hợp để điều khiển xe ô tô khách, trường hợp cần xác định số chỗ ngồi của xe ô tô khách có cùng kiểu loại hoặc xe ô tô có kích thước giới hạn tương đương với ô tô khách chỉ bố trí ghế ngồi, đề nghị bị đơn liên hệ với Cục Đăng kiểm Việt Nam để được hướng dẫn, không có nội dung nào như phía người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày.

[12] Từ những nhận định trên, việc bị đơn căn cứ vào khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính và Văn bản số 1886/TCĐBVN-QL PT&NL ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Tổng Cục Đường bộ Việt Nam từ chối chi trả bảo hiểm cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[13] Do trường hợp này không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm qui định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính và Điều 11 Qui tắc Bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 006-14/CI2015/KCM ngày 01 tháng 5 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam. Căn cứ các điều 52, 54, 55 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 68.750.000 đồng tiền bảo hiểm cho xe biển số abN-xyz.

[14] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu 3.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 12, 13, 14, 52, 54 và 55 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điểm đ khoản 4 Điều 59 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Điểm a khoản 9 và khoản 13 Điều 16 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông Vận tải qui định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính qui định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty CP VT HM

Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP VT HM 68.750.000 đồng tiền bảo hiểm cho xe biển số abN-xyz theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số CI18C1 3004 0008 OP ngày 22 tháng 8 năm 2018 kèm Danh sách xe tham gia bảo hiểm; Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số CI18CB 0011796 ngày 22 tháng 8 năm 2018.

2. Về án phí: Công ty TNHH Bảo hiểm C Việt Nam phải chịu 3.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty CP VT HM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty CP VT HM 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029063 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

